

Bộ câu hỏi trắc nghiệm Thương mại điện tử - Số 7 có đáp án**1. Câu hỏi trắc nghiệm môn Thương mại điện tử - Số 7**

Câu 1. Một loại thẻ thông minh với một con chip nhỏ, màu vàng gắn trên bề mặt thẻ cho phép gửi và nhận thông tin với máy đọc thẻ khi đặt vào vào trong máy đọc thẻ được gọi là gì?

- A. debit card.
- B. optical memory card.
- C. purchase card.
- D. contact card.

Câu 2. Một loại thẻ thanh toán cho phép chủ thẻ sử dụng một khoản tiền để thanh toán với giới hạn nhất định do công ty cấp thẻ đưa ra và thường yêu cầu một tỷ suất lợi nhuận khá cao đối với những khoản thanh toán không được trả đúng hạn. Đây là loại thẻ nào?

- A. Thẻ ghi nợ - debit card
- B. Thẻ mua hàng - charge card
- C. Thẻ tín dụng - credit card
- D. Thẻ thanh toán điện tử - e-payment card

Câu 3. Quá trình kiểm tra để xác định xem thông tin về thẻ có chính xác không và số dư tiền trên thẻ đủ để thanh toán cho giao dịch hay không được gọi là gì?

- A. Mua hàng - procurement
- B. Thanh toán
- C. Phê duyệt - approval
- D. Xác thực - authorization

Câu 4. Trên góc độ khách hàng sử dụng hóa đơn điện tử, hãy chỉ ra vấn đề KHÔNG phải là lợi ích đối với họ.

- A. Không bị giới hạn về thời gian và địa điểm thanh toán hóa đơn - ability to pay bills from anywhere at any time.
- B. Dễ dàng lưu trữ các loại hóa đơn - improved record keeping.
- C. Giảm chi phí - reduced expenses.
- D. Nhận ít hơn những mẫu quảng cáo từ các doanh nghiệp gửi hóa đơn - fewer ads from companies sending bills.

Câu 5. Một loại thẻ thanh toán cho phép các giao dịch thanh toán được thực hiện khi đặt gần thiết bị đọc thẻ như trả phí giao thông trên đường cao tốc, trả vé tàu điện ngầm... được gọi là gì?

- A. optical memory card
- B. debit card
- C. contactless card
- D. contact card

Câu 6. Các giao dịch thanh toán điện tử có giá trị nhỏ hơn 10 USD được gọi là gì?

- A. Thanh toán điện tử nhỏ - e-micropayments
- B. Thanh toán điện tử trung bình - e-mediumpayments
- C. Tiền điện tử - e-cash
- D. Thanh toán điện tử bằng thẻ thông minh - e-smart payments

Câu 7. Một loại thẻ thanh toán cho phép chủ thẻ rút tiền trực tiếp từ tài khoản tiền gửi của mình tại ngân hàng. Đây là loại thẻ nào?

- A. Thẻ ghi nợ - debit card
- B. Thẻ thanh toán điện tử - e-payment card
- C. Thẻ mua hàng - charge card
- D. Thẻ tín dụng - credit card

Câu 8. GS. Tuấn sử dụng thẻ để mua một số sách trên mạng. Các khoản thanh toán bị trừ trực tiếp từ tài khoản tiền gửi của ông đặt tại ngân hàng Vietcombank. Trong trường hợp này, ông Tuấn đã sử dụng loại thẻ nào?

- A. Thẻ mua hàng - charge card
- B. Thẻ tín dụng - credit card
- C. Ví điện tử - e-wallet
- D. Thẻ ghi nợ - debit card

Câu 9. Trong năm 2004, theo thống kê của Turban 2006, tổng thiệt hại do các giao dịch thanh toán giả mạo trực tuyến đối với người bán hàng là bao USD.

- A. \$260 million
- B. \$26 million
- C. \$26 billion
- D. \$2.6 billion

Câu 10. GS. Hoàng đăng ký sử dụng một dịch vụ thanh toán cho phép tập hợp tất cả các hóa đơn GS phải trả trong tháng từ các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau, và chỉ phải thực hiện một thanh toán duy nhất. Đây là ví dụ về hình thức thanh toán điện tử nào?

- A. Cổng thanh toán hóa đơn trực tuyến - bill consolidator
- B. Thẻ tín dụng ảo - virtual credit card
- C. Thanh toán hóa đơn trực tuyến - biller direct
- D. Ngân hàng điện tử - online banking

Câu 11. TS. Minh thực hiện thanh toán các hóa đơn tiền điện, điện thoại, internet bằng cách vào các website của những nhà cung cấp dịch vụ trên và nhập vào đó thông tin tài khoản để thanh toán, đây là hình thức thanh toán điện tử gì?

- A. Thanh toán hóa đơn trực tuyến - biller direct

- B. Cổng thanh toán hóa đơn trực tuyến - bill consolidator
- C. Ngân hàng điện tử - online banking
- D. Thẻ tín dụng ảo - virtual credit card

Câu 12. Trong giao dịch thương mại quốc tế, với những hợp đồng có giá trị lớn, ví dụ trên 50.000 USD, các doanh nghiệp thường sử dụng hình thức thanh toán nào?

- A. Thanh toán bằng thẻ - trade card payment.
- B. Thanh toán sử dụng chữ ký số - PKI payment.
- C. Thanh toán điện tử nhỏ - e-micropayment.
- D. Thư tín dụng - letter of credit.

Câu 13. Trên góc độ người cung cấp hóa đơn điện tử, hãy chỉ ra đặc điểm không phải lợi ích của hoạt động này.

- A. Giúp doanh nghiệp hiện diện trên toàn thế giới - universal availability
- B. Cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng - improved customer service
- C. Thu hút thêm nhiều khách hàng tiềm năng - opportunity for targeted advertising
- D. Giảm chi phí xử lý giao dịch - reduced processing expense

Câu 14. Người mua/chủ thẻ, ngân hàng của người mua/ngân hàng phát hành thẻ, ngân hàng của người bán, người bán/tổ chức chấp nhận thanh toán thẻ, tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử là các bên liên quan đến giao dịch thương mại điện tử nào?

- A. Mua hàng và thanh toán bằng thẻ tại siêu thị
- B. Mua hàng và thanh toán bằng thẻ tín dụng qua Internet
- C. Mua hàng và thanh toán bằng thẻ tín dụng tại cửa hàng
- D. Rút tiền mặt từ máy ATM để thanh toán khi mua hàng

Câu 15. Lợi ích cơ bản nhất của Internet banking là gì?

- A. Tiết kiệm chi phí giao dịch

- B. Tạo điều kiện cung ứng thêm các dịch vụ cho khách hàng
- C. Tăng mức độ thuận tiện trong giao dịch của khách hàng
- D. Xây dựng lòng trung thành và gia tăng lợi nhuận cho khách hàng

Câu 16. Hạn chế khó khắc phục nhất khi đẩy mạnh cung cấp dịch vụ Internet banking tại VN là:

- A. Khó đảm bảo các vấn đề an toàn, bảo mật
- B. Thiếu vốn đầu tư và công nghệ
- C. Hạn chế về trình độ trong ngành ngân hàng
- D. Thị trường tiềm năng nhỏ

Câu 17. Sự khác biệt lớn nhất giữa Thẻ tín dụng (credit card) và Thẻ ghi nợ (debit card) là:

- A. Khả năng thanh toán trong giao dịch qua Internet (mua hàng qua mạng)
- B. Khả năng thanh toán trong các giao dịch truyền thống (tại siêu thị, cửa hàng...)
- C. Khả năng rút tiền từ các máy ATM
- D. Khả năng chi tiêu bị giới hạn

Câu 18. Yếu tố nào không phải lợi ích của dịch vụ ngân hàng điện tử:

- A. Thanh toán các hóa đơn trực tuyến
- B. Truy cập các thông tin về tài khoản và các giao dịch đã thực hiện
- C. Truy cập mọi nơi, mọi lúc
- D. Tương tác trực tiếp với nhân viên ngân hàng

Câu 19. Loại thẻ nào có độ bảo mật cao hơn các loại thẻ còn lại:

- A. Thẻ rút tiền mặt (ATM)
- B. Thẻ mua hàng
- C. Thẻ thông minh
- D. Thẻ băng từ

Câu 20. Chỉ ra yếu tố không cùng loại với các yếu tố khác:

- A. ATM
- B. EFT (Electronic Funds Transfer (Chuyển tiền điện tử, Chuyển khoản điện tử)
- C. ACH (Automated Clearing House (ACH) Network)
- D. EDI (Electronic Data Interchange)

Câu 21. Giỏ mua hàng điện tử KHÔNG nhất thiết phải có chức năng nào dưới đây?

- A. Tìm kiếm sản phẩm
- B. Lựa chọn, thêm, bớt sản phẩm
- C. Tính toán giá, lập hóa đơn
- D. Liên kết đến phần mềm thanh toán điện tử

Câu 22. Luật giao dịch điện tử của Việt Nam (Đ19) Trường hợp công ty ABC là người nhận thông điệp dữ liệu chỉ định hộp thư điện tử để nhận thông điệp dữ liệu là congtyabc@hn.vnn.vn thì thời điểm nhận là thời điểm thông điệp dữ liệu nhập vào hệ thống và địa điểm nhận là

- A. máy chủ thư điện tử @hn.vnn.vn / trụ sở công ty
- B. máy chủ thư điện tử @hn.vnn.vn / địa điểm đặt máy chủ thư điện tử
- C. hộp thư điện tử congtyabc@hn.vnn.vn / trụ sở công ty
- D. hộp thư điện tử congtyabc@hn.vnn.vn / địa điểm đặt máy chủ thư điện tử

Câu 23. Theo Luật giao dịch điện tử của Việt Nam, những hành vi nào bị cấm trong giao dịch điện tử.

- A. Ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận thông điệp dữ liệu
- B. Thay đổi, xóa, giả mạo trái phép thông điệp dữ liệu
- C. Tạo ra thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật
- D. Tất cả các hành vi trên

Câu 24. Thông điệp dữ liệu do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử phát hành nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký điện tử được gọi là:

- A. Chứng thư điện tử
- B. Chứng thực điện tử
- C. Chứng thư chứng thực chữ ký số
- D. Chứng thực điện tử chứng thực chữ ký số

Câu 25. Theo Luật giao dịch điện tử VN: Địa điểm nào được coi là địa điểm gửi thông điệp dữ liệu:

- A. Trụ sở của người gửi
- B. Địa điểm lưu trữ máy chủ hệ thống thông tin của người gửi
- C. Địa điểm lưu trữ máy chủ email của người gửi
- D. Địa điểm thông điệp đó được khởi tạo và gửi đi

Câu 26. Giao dịch điện tử được thực hiện tự động từng phần hoặc toàn bộ thông qua hệ thống thông tin được thiết lập sẵn được gọi là:

- A. Giao dịch điện tử tự động
- B. Giao dịch điện tử
- C. Giao dịch điện tử tự động giữa người mua và người bán
- D. Giao dịch thương mại điện tử

Câu 27. Theo Luật giao dịch điện tử VN: Khi người gửi yêu cầu xác nhận thì thông điệp dữ liệu được coi là:

- A. Chưa gửi đến khi người nhận gửi thông báo xác nhận
- B. Chưa gửi đến khi người khởi tạo nhận được thông báo xác nhận của người nhận
- C. Đã gửi khi người khởi tạo gửi thông báo xác nhận
- D. Đã gửi khi người khởi tạo nhận được và truy cập được vào thông điệp xác nhận

Câu 28. Luật Giao dịch điện tử của Việt Nam (Đ17): Thời điểm gửi thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu này nhập vào hệ thống thông tin

- A. nằm ngoài sự kiểm soát của người khởi tạo
- B. dưới sự kiểm soát của người khởi tạo
- C. dưới sự kiểm soát của người nhận
- D. nằm trong sự kiểm soát của người nhận và người gửi

Câu 29. Luật giao dịch điện tử của Việt Nam (Đ15): Hợp đồng ký kết giữa khách hàng cá nhân và website bán hàng trực tuyến có giá trị làm chứng cứ hay không phụ thuộc các yếu tố nào sau đây:

- A. Độ tin cậy của cách thức tạo, lưu trữ và gửi hợp đồng
- B. Cách thức đảm bảo, duy trì tính toàn vẹn nội dung của hợp đồng
- C. Cách thức xác định người khởi tạo
- D. Cả 3 yếu tố trên

Câu 30. Hệ thống được tạo lập để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các xử lý khác đối với thông điệp dữ liệu được gọi là gì?

- A. Hệ thống thông tin
- B. Hệ thống thương mại điện tử
- C. Hệ thống thông tin thương mại và thị trường
- D. Hệ thống thông tin giao dịch điện tử

Câu 31. Luật giao dịch điện tử của Việt Nam (Đ4): Chương trình máy tính được thiết lập để hoạt động tạo ra các chữ ký số gọi là:

- A. Chương trình chứng thực điện tử
- B. Chương trình ký điện tử
- C. Chương trình cấp chứng thư điện tử
- D. Chương trình kiểm tra chữ ký điện tử

Câu 32. Luật giao dịch điện tử của Việt Nam: Khái niệm nào không được định nghĩa:

- A. Chữ ký điện tử
- B. Giao kết hợp đồng điện tử
- C. Hoạt động chứng thực điện tử
- D. Bảo vệ người tiêu dùng

Câu 33. Luật giao dịch điện tử của Việt Nam (Đ12): Một thông điệp dữ liệu được xem là có giá trị như văn bản viết nếu thông tin hàm chứa trong thông điệp dữ liệu đó có thể để tham chiếu khi cần thiết

- A. Hiện thị trên màn hình và đọc được
- B. In ra giấy và sử dụng được làm bằng chứng
- C. Truy cập và sử dụng được
- D. Truy cập, đọc và in ra được

Câu 34. Luật giao dịch điện tử của Việt Nam (Đ1): Luật này không áp dụng đối với những hoạt động nào dưới đây

- A. Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà
- B. Văn bản thừa kế
- C. Mua bán cổ phiếu
- D. Cả A và B đều đúng

Câu 35. Luật giao dịch điện tử của Việt Nam (Đ13). Hợp đồng được bên A tạo ra dưới dạng văn bản word, ký và gửi cho bên B, bên B chấp nhận toàn bộ nội dung, bôi đen một số điều khoản để nhấn mạnh, ký và gửi lại cho bên A. Để chắc chắn, bên B trước khi gửi chuyển hợp đồng sang định dạng pdf và đặt password cấm thay đổi nội dung. Hợp đồng bên A nhận lại có được coi là có giá trị như văn bản gốc hay không?

- A. Có

- B. Không
- C. Luật chưa quy định rõ trường hợp này
- D. Chỉ hợp đồng dạng word do bên B tạo ra được coi là có giá trị như bản gốc

Câu 36. Theo Luật giao dịch điện tử VN: Khi nào người nhận được coi là đã nhận được thông điệp dữ liệu?

- A. Khi thông điệp dữ liệu nhập vào hệ thống thông tin của người nhận
- B. Khi người nhận đọc thông điệp dữ liệu
- C. Khi người nhận download thông điệp dữ liệu về máy tính của mình và có thể truy cập được
- D. Khi người nhận có khả năng đọc được thông điệp dữ liệu

Câu 37. Công ty A đăng quảng cáo trên hàng loạt các website khác đồng thời bán lại chỗ để quảng cáo trên website của mình, chiến lược công ty sử dụng là gì:

- A. Skyscraper Ad
- B. Banner swapping
- C. Banner exchange
- D. Customized banner

Câu 38. Một số công ty cùng sử dụng một mô hình catalogue trên mạng. Đây là mô hình:

- A. Đổi hàng
- B. Thương mại điện tử hợp tác
- C. Mua hàng theo nhóm
- D. Liên kết catalogue

Câu 39. Chỉ ra ví dụ công ty không theo mô hình hướng vào TMĐT:

- A. Công ty ABC bán đấu giá hàng trên mạng
- B. Công ty ABC bán hàng trên mạng

C. Một số công ty cùng mua đồ văn phòng phẩm qua catalogue trực tuyến

D. Công ty ABC mua văn phòng phẩm qua catalogue trực tuyến

Câu 40. Cổng thông tin của công ty ABC được thiết kế cho mạng nội bộ của công ty. Tại cổng này có một số lượng lớn các thông tin hướng tới một số hạn chế người sử dụng. Cổng này thuộc loại hình:

A. Cổng xuất bản

B. Cổng thương mại

C. Cổng cá nhân

D. Cổng doanh nghiệp

2. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm môn Thương mại điện tử - Số 7

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	D	Câu 21	A
Câu 2	C	Câu 22	A
Câu 3	D	Câu 23	D
Câu 4	D	Câu 24	A
Câu 5	C	Câu 25	A
Câu 6	A	Câu 26	A
Câu 7	A	Câu 27	B
Câu 8	D	Câu 28	A
Câu 9	D	Câu 29	D
Câu 10	A	Câu 30	A
Câu 11	A	Câu 31	B
Câu 12	D	Câu 32	D

Câu 13	A	Câu 33	C
Câu 14	B	Câu 34	D
Câu 15	A	Câu 35	A
Câu 16	A	Câu 36	A
Câu 17	D	Câu 37	C
Câu 18	D	Câu 38	D
Câu 19	C	Câu 39	C
Câu 20	D	Câu 40	D



vndoc